

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Định	Thành viên
Bà Mai Bích Thủy	Thành viên
Ông Trần Văn Hay	Thành viên
Ông Lê Duy Tường	Thành viên

Ban Giám đốc


Ông Nguyễn Thái Định	Giám đốc
Ông Đỗ Việt Hùng	Phó Giám đốc
Ông Võ Nguyên Hợp	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Hay	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. 

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,




Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Phú Yên, ngày 09 tháng 2 năm 2017

Số: 06/2017/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09/02/2017, từ trang 04 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, trong Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20/02/2017, kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần.

**Phó Tổng giám đốc**

Số GCN ĐKHN kiểm toán 0034-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Bùi Quốc Trung

Kiểm toán viên

Số GCN ĐKHN kiểm toán 1937-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.681.364.648	110.624.516.911
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	185.439.817	740.012.351
1. Tiền	111		185.439.817	740.012.351
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.975.121.709	56.544.262.920
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	62.574.556.823	54.804.388.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		188.056.211	1.983.246.955
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	31.158.718.227	40.659.925.422
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(30.946.209.552)	(40.903.298.174)
III. Hàng tồn kho	140	7	58.629.560.923	53.333.698.048
1. Hàng tồn kho	141		58.629.560.923	56.372.422.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.038.724.271)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.891.242.199	6.543.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	1.521.431.660	5.509.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		297.111.314	1.034.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	72.699.225	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.821.726.846	43.895.649.263
I. Tài sản cố định	220		40.905.656.475	28.548.726.574
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	30.613.350.748	22.321.857.574
- Nguyên giá	222		75.708.208.000	64.685.991.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.094.857.252)	(42.364.133.746)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	10.292.305.727	6.226.869.000
- Nguyên giá	228		10.292.305.727	6.226.869.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		590.867.346	164.851.404
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	590.867.346	164.851.404
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.360.000.000	9.360.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	9.360.000.000	9.360.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.965.203.025	5.822.071.285
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	13.956.403.025	5.583.118.834
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.800.000	238.952.451
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		188.503.091.494	154.520.166.174

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		73.411.029.266	45.066.799.619
I. Nợ ngắn hạn	310		73.411.029.266	45.066.799.619
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	38.182.298.672	8.418.758.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		569.215.419	1.116.682.230
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	18.476.723.941	24.232.301.730
4. Phải trả người lao động	314		9.556.301.856	9.316.379.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		44.000.000	141.240.292
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	420.469.331	364.146.717
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	2.000.022.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		809.122.839	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.352.875.208	1.477.290.265
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.092.062.228	109.453.366.555
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	115.092.062.228	109.453.366.555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.400.000.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.400.000.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.314.835.426	16.173.052.814
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.377.226.802	10.880.313.741
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		393.415.914	499.087.660
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.983.810.888	10.381.226.081
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		188.503.091.494	154.520.166.174

Phủ Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Huỳnh Khắc Nam

Võ Thị Hạnh

Nguyễn Thái Định

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.320.073.045.860	1.752.260.756.030
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.254.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	1.320.062.791.315	1.752.260.756.030
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.235.748.935.914	1.672.575.752.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84.313.855.401	79.685.003.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.784.744.608	963.488.649
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	49.233.342.013	45.071.671.749
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.669.221.628	20.996.207.062
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.196.036.368	14.580.613.621
11. Thu nhập khác	31	25	6.153.883.696	7.827.870.312
12. Chi phí khác	32		154.709.091	343.418.227
13. Lợi nhuận khác	40		5.999.174.605	7.484.452.085
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.195.210.973	22.065.065.706
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.325.373.711	2.839.314.334
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	230.152.451	1.923.707.903
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.639.684.811	17.302.043.469
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.143	1.700

Phủ Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập



Huỳnh Khắc Nam

Kế toán trưởng



Võ Thị Hạnh

Giám đốc



Nguyễn Thái Định

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.195.210.973	22.065.065.706
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.567.812.346	2.192.792.526
- Các khoản dự phòng	03	(12.186.052.344)	(751.530.865)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.915.653.699)	(990.508.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.661.317.276	22.515.819.367
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.157.453.797	1.994.492.109
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.257.138.604)	(43.498.001.121)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	25.444.392.803	21.936.036.567
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.889.206.762)	2.071.424.926
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.430.918.644)	(4.271.743.940)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.414.041.905)	(1.722.894.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.271.857.961	(974.866.232)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(16.971.709.694)	(1.540.778.676)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	130.909.091	54.508.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.784.744.608	10.936.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.056.055.995)	9.449.729.324
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.000.022.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.770.396.500)	(8.177.037.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.770.374.500)	(8.177.037.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(554.572.534)	297.826.092
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	740.012.351	442.186.259
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	185.439.817	740.012.351

Phú Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Huỳnh Khắc Nam

Võ Thị Hạnh

Nguyễn Thái Định

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4400114094 lần đầu ngày 25/12/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 08/07/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Vốn điều lệ là 82.400.000.000 VND tương ứng với 8.240.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PPY.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 157 – 159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan. Mua bán khí đốt;
- Mua bán vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), mua bán nguyên liệu phi nông nghiệp;
- Mua bán nông, lâm sản xuất khẩu;
- Mua bán thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Vận chuyển hàng hóa.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2016, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng tại Phú Yên, 05 Chi nhánh và 30 cửa hàng kinh doanh xăng dầu trực thuộc.

Danh sách các chi nhánh và cửa hàng kinh doanh xăng dầu của Công ty bao gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty)	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô	Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên,
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	Số 4, đường Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa	Bến xe Ninh Hòa, quốc lộ 1A, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk	Thôn 2, xã Ea M- Doal, huyện M' Đrăk, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu 224	Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên,
Cửa hàng Xăng dầu Hòa An	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm	Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm	Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Các đơn vị trực thuộc hạch toán báo số (hạch toán tập trung tại Công ty) (tiếp)	
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1	Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh	Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn	Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 229	Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ninh Hòa	Bến xe Ninh Hòa, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Krông Pa	Quốc lộ 25 Dốc đỏ, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc	304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa	Thôn Ma Rín 3, xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron	Thôn Hlil 2, xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó	Thôn Đron, xã Pờ Tó, huyện IaPa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul	Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện IaPa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa	Xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo	01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến	Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện	Thôn Drok, xã Chư A Thái, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư (công ty liên kết) mà không có thỏa thuận khác.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính riêng của bên nhận đầu tư chưa được kiểm toán.

11/11/2011

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc, ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất lâu dài

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: Tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất lâu dài không phải tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm chi phí thuê các cửa hàng xăng dầu, chi phí sửa chữa tài sản cố định... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

- Chi phí thuê các cửa hàng xăng dầu được phân bổ tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm kể từ khi phát sinh.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là khoản dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường phải trích lập đối với các đơn vị kinh doanh hóa chất, xăng, dầu. Khoản chi phí này được trích lập với tỷ lệ 0,5% trên doanh thu thuần năm về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động kinh doanh xăng, dầu và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm theo quy định tại thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20/6/2016 của Bộ Tài chính.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; cổ tức, lợi nhuận được chia. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	93.302.015	659.828.809
Tiền gửi ngân hàng	92.137.802	80.183.542
Cộng	185.439.817	740.012.351

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	62.574.556.823	54.804.388.717
Công ty Cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn	13.996.774.299	12.372.646.600
Công ty Cổ phần Thương mại Quy Nhơn	11.859.063.000	11.131.070.020
Công ty Cổ phần Petec Bình Định	4.239.924.400	3.933.353.000
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Việt Hưng	3.999.460.000	3.546.192.000
Công ty CP Xăng dầu thương mại dịch vụ HATACO	2.912.250.500	2.920.732.000
DNTN Vận tải và thương mại Cúc Tư	2.002.961.800	624.487.880
Phải thu các khách hàng khác	23.564.122.824	20.275.907.217
Phải thu của khách hàng dài hạn hạn	-	-
Cộng	62.574.556.823	54.804.388.717

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

Công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư - CTCP	176.937.158	113.844.951
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	147.878.236	94.949.132
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	110.412.442	70.729.444
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	42.437.730	48.523.020
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	19.144.603	11.955.683
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	18.253.028	3.156.254
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	8.597.776	2.799.994
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	4.367.517	1.680.076
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.854.633	43.404.725
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	-	7.308.617

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	406.231.494	-	-	-
Hàng hoá	58.223.329.429	-	56.372.422.319	(3.038.724.271)
Cộng	58.629.560.923	-	56.372.422.319	(3.038.724.271)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

8. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên - Lãi tiền cho vay	30.604.952.041	30.604.952.041	40.604.952.041	40.604.952.041
Các khoản khác	553.766.186	-	54.973.381	-
Cộng	31.158.718.227	30.604.952.041	40.659.925.422	40.604.952.041

9. NỢ XẤU

	31/12/2016				01/01/2016			
	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Trên 3 năm	30.604.952.041	-	30.604.952.041	Trên 3 năm	40.604.952.041	-	40.604.952.041
Các khách hàng khác								
Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	165.310.370	-	165.310.370	Trên 3 năm	136.747.950	-	136.747.950
Phải thu tiền hàng	Từ 2 - 3 năm	245.634.680	73.690.404	171.944.276	Từ 2 - 3 năm	31.827.320	9.548.196	22.279.124
Phải thu tiền hàng	Từ 1 - 2 năm	8.005.730	4.002.865	4.002.865	Từ 1 - 2 năm	272.634.680	136.317.340	136.317.340
Phải thu tiền hàng	Dưới 1 năm	-	-	-	Dưới 1 năm	10.005.730	7.004.011	3.001.719
Cộng		31.023.902.821	77.693.269	30.946.209.552		41.056.167.721	152.869.547	40.903.298.174

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CỎ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
NGUYÊN GIÁ									
Tại ngày 01/01/2016	48.889.600.525	6.765.019.197	8.889.321.144	142.050.454	64.685.991.320				
Mua mới trong năm	-	6.201.740.605	1.251.612.727	-	7.453.353.332				
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.405.952.188	-	-	-	4.405.952.188				
Thanh lý, nhượng bán	-	(508.200.000)	-	-	(508.200.000)				
Giảm khác	(328.888.840)	-	-	-	(328.888.840)				
Tại ngày 31/12/2016	52.966.663.873	12.458.559.802	10.140.933.871	142.050.454	75.708.208.000				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Tại ngày 01/01/2016	34.542.724.168	2.296.976.853	5.443.375.713	81.057.012	42.364.133.746				
Khấu hao trong năm	888.669.912	1.972.323.934	670.656.882	36.161.618	3.567.812.346				
Thanh lý, nhượng bán	-	(508.200.000)	-	-	(508.200.000)				
Giảm khác	(328.888.840)	-	-	-	(328.888.840)				
Tại ngày 31/12/2016	35.102.505.240	3.761.100.787	6.114.032.595	117.218.630	45.094.857.252				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày 01/01/2016	14.346.876.357	4.468.042.344	3.445.945.431	60.993.442	22.321.857.574				
Tại ngày 31/12/2016	17.864.158.633	8.697.459.015	4.026.901.276	24.831.824	30.613.350.748				
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	32.791.796.114	712.086.316	3.818.929.714	42.661.818	37.365.473.962				

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ số 157 – 159 đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; tại các cửa hàng xăng dầu Sơn Nguyên và Củng Sơn tại huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên và tại cửa hàng xăng dầu Bính Kiến tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trạm pha chế xăng E5 tại Kho Xăng dầu Vũng Rô	-	164.851.404
Chi phí xây dựng cửa hàng Xăng dầu	590.867.346	-
- Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp	353.900.073	-
- Cửa hàng xăng dầu Phú Ấn	222.240.000	-
- Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị	14.727.273	-
Cộng	590.867.346	164.851.404

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	9.360.000.000	-	-	9.360.000.000	-	-

Công ty đang nắm giữ 936.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, chiếm 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên. Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	1.521.431.660	5.509.089
Chi phí làm biển hiệu tại các cửa hàng xăng dầu	656.018.791	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	164.208.944	-
Các khoản chi phí khác	701.203.925	5.509.089
Dài hạn	13.956.403.025	5.583.118.834
Tiền thuê cửa hàng xăng dầu	13.551.699.802	4.222.467.551
Lợi thế kinh doanh	-	1.067.217.651
Chi phí sửa chữa cửa hàng xăng dầu	267.718.132	-
Chi phí khác	136.985.091	293.433.632

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV Công ty TNHH Xây dựng Phúc Phong	34.706.197.858	34.706.197.858	7.268.987.910	7.268.987.910
Phải trả nhà cung cấp khác	2.786.488.327	2.786.488.327	1.149.770.838	1.149.770.838
Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Cộng	<u>38.182.298.672</u>	<u>38.182.298.672</u>	<u>8.418.758.748</u>	<u>8.418.758.748</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Quảng Ngãi	34.706.197.858	34.706.197.858	7.268.987.910	7.268.987.910
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Xi nghiệp tổng kho xăng dầu Miền Đông	177.937.522	177.937.522	89.619.690	89.619.690
	-	-	13.887.111	13.887.111

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Dầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	2.000.022.000	2.000.022.000	3.000.022.000	1.000.000.000		
Cộng	<u>2.000.022.000</u>	<u>2.000.022.000</u>	<u>3.000.022.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên theo hợp đồng thấu chi số 01/2016/650320/HĐTC ngày 20/09/2016. Hạn mức thấu chi là 10 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 20/09/2016. Thời hạn thấu chi là tối đa 59 ngày và trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Mục đích thấu chi: phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2016
		VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	882.402.871	34.413.127.123	33.460.455.531	1.835.074.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.385.023.022	4.325.373.711	5.430.918.644	279.478.089
Thuế thu nhập cá nhân	214.647.387	1.451.546.571	1.177.785.319	488.408.639
Thuế đất, tiền thuê đất	-	698.265.286	770.964.511	(72.699.225)
Thuế bảo vệ môi trường	21.750.228.450	307.774.763.250	313.651.228.950	15.873.762.750
Các loại thuế khác	-	33.000.000	33.000.000	-
Cộng	24.232.301.730	348.696.075.941	354.524.352.955	18.404.024.716
Trong đó				
Số thuế phải thu nhà nước	-			72.699.225
Số thuế phải trả nhà nước	24.232.301.730			18.476.723.941

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	420.469.331	364.146.717
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	42.597.350	100.993.850
Tiền bảo hành công trình	278.754.613	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.117.368	263.152.867
Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quy đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2015	82.400.000.000	11.569.913.646	8.401.644.240	102.371.557.886			
Lãi trong năm	-	-	17.302.043.469	17.302.043.469			
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	4.940.613.041	(15.160.817.388)	(10.220.204.347)			
Điều chỉnh giảm quỹ phân phối từ lợi nhuận năm trước	-	(337.473.873)	337.443.420	(30.453)			
Tại ngày 01/01/2016	82.400.000.000	16.173.052.814	10.880.313.741	109.453.366.555			
Lãi trong năm	-	-	21.639.684.811	21.639.684.811			
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	(1.536.458.590)	(10.486.897.827)	(12.023.356.417)			
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (**)	-	4.678.241.202	(8.655.873.923)	(3.977.632.721)			
Tại ngày 31/12/2016	82.400.000.000	19.314.835.426	13.377.226.802	115.092.062.228			
(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 19/2016/NQ-DHĐCĐ ngày 26/04/2016, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty như sau: Chia cổ tức 10.712.000.000 đồng tương ứng 13% vốn điều lệ, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3.041.560.764 đồng (đã phân phối trong năm 2015 là 1.980.204.347 đồng), trích quỹ thưởng ban điều hành 250.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 3.404.154.451 đồng (đã phân phối trong năm 2015 là 4.940.613.041 đồng). Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty đã chi trả 10.770.396.500 đồng tiền cổ tức cho các cổ đông (trong đó, Công ty chi trả cổ tức năm 2015 là 10.688.559.700 đồng).							
(**) Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau: Trích quỹ đầu tư phát triển: 4.678.241.202 đồng, trích quỹ tiền thưởng phúc lợi: 3.727.632.721 đồng, trích quỹ thưởng ban điều hành: 250.000.000 đồng.							
Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu							
	31/12/2016	01/01/2016					
	VND	VND					
Tổng công ty Dầu Việt Nam	55.313.600.000	55.313.600.000					
Vốn góp của các cổ đông khác	27.086.400.000	27.086.400.000					
Cộng	82.400.000.000	82.400.000.000					

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	82.400.000.000	82.400.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	82.400.000.000	82.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	10.712.000.000	8.240.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.240.000	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2016 Lít (V15)	01/01/2016 Lít (V15)
Hàng hóa nhận giữ hộ		
- Ethanol (E100)	38.411	-
- Xăng các loại	2.110.620	633.726
- Dầu các loại	2.898.761	818.057

21. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	1.315.624.545.096	1.748.486.703.434
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.448.500.764	3.774.052.596
Cộng	1.320.073.045.860	1.752.260.756.030
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.254.545	
Hàng bán bị trả lại	10.254.545	-
Doanh thu thuần	1.320.062.791.315	1.752.260.756.030

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	80.542.002	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	2.510.909.090	2.034.545.455
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	1.192.636.363	2.725.227.273
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	114.054.545	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	4.584.227.272	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	8.834.999.999	198.545.455
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	402.155.838	578.534.691
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	50.048.906	185.944.509
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	256.036.341	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	165.120.051	143.305.447
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	118.982.632	80.735.264
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.156.836.320	809.406.376
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	29.426.524	196.392.593
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	149.971.523	113.612.756
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	-	29.503
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	91.344.135	157.331.243
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	53.423.103	263.719.912
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	1.008.294.863	1.029.806.608
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần	1.120.324.376	709.362.097
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	130.984.790	122.074.360

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.238.787.660.185	1.669.537.027.976
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.038.724.271)	3.038.724.271
Cộng	1.235.748.935.914	1.672.575.752.247

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	40.744.608	27.488.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.744.000.000	936.000.000
Cộng	3.784.744.608	963.488.649

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	18.669.221.628	20.996.207.062
Chi phí nhân viên	17.157.360.155	14.505.793.591
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	797.686.088	956.906.037
Chi phí khấu hao TSCĐ	580.338.894	521.450.985
Thuế, phí lệ phí	156.777.335	103.579.691
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.548.868.794	3.187.026.323
Chi phí bằng tiền khác	5.576.156.145	5.511.705.571
Chi phí dự phòng	(9.147.965.783)	(3.790.255.136)
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	49.233.342.013	45.071.671.749
Chi phí nhân viên	20.947.917.984	16.281.651.277
Chi phí vật liệu, bao bì	68.286.877	102.336.477
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.483.551.066	2.537.556.449
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.987.473.452	1.630.349.583
Chi phí vận chuyển	7.428.634.147	11.992.477.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.315.032.507	9.329.379.207
Chi phí bằng tiền khác	2.002.445.980	3.197.920.878

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn	2.659.731.680	2.150.781.073
Xử lý kết quả kiểm kê thừa	3.305.606.471	5.319.137.806
Lãi thanh lý TSCĐ	130.909.091	-
Các khoản khác	57.636.454	357.951.483
Cộng	6.153.883.696	7.827.870.312

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.349.524.031	3.596.798.963
Chi phí nhân công	38.105.278.139	30.787.444.868
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.567.812.346	2.192.792.526
Chi phí dự phòng	(9.147.965.783)	(3.790.255.136)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.089.409.085	25.016.287.115
Chi phí khác bằng tiền	7.735.379.460	8.305.802.433
Cộng	70.699.437.278	66.108.870.769

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	26.195.210.973	22.065.065.706
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.568.342.419)	(9.159.091.460)
Trừ:	4.938.762.258	10.766.274.337
Thu nhập không chịu thuế	3.744.000.000	936.000.000
Chi phí trích trước năm trước có hóa đơn năm nay	141.240.292	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (lãi cho vay)	1.053.521.966	9.830.274.337
Cộng:	370.419.839	1.607.182.877
Các khoản chi phí không được trừ	326.419.839	412.420.619
Chi phí trích trước năm nay chưa có hóa đơn	44.000.000	141.240.292
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (lãi cho vay)	-	1.053.521.966
Thu nhập chịu thuế	21.626.868.554	12.905.974.246
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.325.373.711	2.839.314.334

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.150.762.258	8.635.512.079
Chi phí trích trước năm trước có hóa đơn năm nay	141.240.292	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi (lãi cho vay)	1.053.521.966	8.776.752.371
Chi phí trích trước năm nay chưa có hóa đơn	(44.000.000)	(141.240.292)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	230.152.451	1.923.707.903

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.639.684.811	17.302.043.469
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	3.977.632.721	3.291.560.764
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.662.052.090	14.010.482.705
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.240.000	8.240.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.143	1.700

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNHCác loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.439.817	740.012.351
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.787.065.498	54.561.015.965
Cộng	62.972.505.315	55.301.028.316
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.000.022.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	39.369.931.202	8.681.911.615
Chi phí phải trả	44.000.000	141.240.292
Cộng	41.413.953.202	8.823.151.907

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

- Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính quá hạn	31.023.902.821	41.056.167.721
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	-	10.005.730
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	8.005.730	272.634.680
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	245.634.680	31.827.320
Quá hạn từ 03 năm trở lên	30.770.262.411	40.741.699.991
Tài sản tài chính giảm giá	-	-
Cộng	31.023.902.821	41.056.167.721

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) hoặc giảm giá nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

• Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Số cuối năm		
Các khoản vay	2.000.022.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	39.369.931.202	-
Chi phí phải trả	44.000.000	-
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	41.413.953.202	-
Số đầu năm		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	8.681.911.615	-
Chi phí phải trả	141.240.292	-
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	8.823.151.907	-

• Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV tại Quảng Ngãi	Chi nhánh của Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Xí nghiệp tổng kho xăng dầu Miền Đông	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Thương mại Kỹ thuật và đầu tư - CTCP	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu Nhòn PV OIL	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Đơn vị thành viên cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên kết

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.230.338.896.915	1.681.981.216.593
Công ty Cổ phần Dầu Nhòn PV OIL	2.125.702.618	2.383.059.006
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	1.377.909.091	4.956.000.000
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	708.124.000	793.100.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Miền Trung	-	2.732.727.273
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	14.679.481.817
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	625.345.455
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	-	450.818.182
Phí dịch vụ thuê ngoài		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	950.352.091	623.231.422
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Quảng Ngãi	955.372.534	583.142.198
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	14.166.781	40.713.864
Chi trả cổ tức trong năm		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	7.190.768.000	5.531.360.000
Thuởng thanh toán trước hạn nhận được		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	2.659.731.680	2.150.781.073
Cổ tức nhận được trong năm		
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	3.744.000.000	936.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3.213.198.314	2.477.270.740

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Phải thu khác		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	150.000.000	-
Trả trước cho người bán		
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	39.056.211	-

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.

Phủ Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2017

Người lập



Huỳnh Khắc Nam

Kế toán trưởng



Võ Thị Hạnh

Giám đốc



Nguyễn Thái Định